Họ và tên:.....Lớp: 5...

ÔN TẬP KIẾN THỨC TOÁN TUẦN 23

MÉT KHỐI, ĐỀ –XI - MÉT KHỐI, XĂNG – TI – MÉT KHỐI

<u>Bài 1</u>: Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a. $3\ dm^3$ = ...cm^3

$0,05\ dm^3$ = ...cm^3

$\frac{1}{10}\ dm^3$ = ...cm^3

b. $2,5\ m^3$ = ...cm^3

$0,02\ m^3$ = ...cm^3

$\frac{1}{500}\ m^3$ = ...cm^3

<u>Bài 2</u>: Viết các số đo sau dưới dạng có số đo có đơn vị là <u>đề - xi – mét khối</u>:

a. $12\ cm^3$ = ...dm^3

$350\ cm^3$ = ... dm^3

$0,5\ cm^3$ = ... dm^3

b. $99\ m^3$ = ... dm^3

$2,5\ m^3$ = ... dm^3

$5\ dm^3\ 4\ cm^3$ = ... dm^3

<u>Bài 3</u>: Viết các số đo sau dưới dạng có số đo có đơn vị là <u>mét khối</u>:

a. $5\ cm^3$ =..... m^3

$2306\ cm^3$ =..... m^3

$0,2\ cm^3$ =.....m^3

b. $42\ dm^3$ = ... m^3

$10,6\ dm^3$ = ... m^3

$9\ m^3\ 12\ dm^3$ = ... m^3

<u>Bài 4</u>: Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm > ; < , =

a. 575 684 730 cm^3 ..... 575, 684 730 m^3

.....

b. 45,3841 dm^3 ..... 453 841 cm^3

.....

c. $8m^3$ 75 dm^3 ..... 8,075 m^3

.....

d. $\frac{4}{5}\ dm^3$ ..... 395 cm^3

.....

<u>Bài 5</u>: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a. $8,2\ dm^3$ =.....cm^3

$4,2\ m^3$ = ... dm^3

$2,5\ m^3$ = ... cm^3

$0,05\ m^3$ = ...cm^3

b. $78\ 000\ cm^3$ =.....dm^3

$4\ 965\ dm^3$ = ...m^3

$125\ cm^3$ =.....dm^3

$1\ 023\ 758\ cm^3$ = ...m^3

LIVEWORKSHEETS

Bài 6: Viết số đo sau dưới dạng số thập phân:

a.Có đơn vị là mét khối:

37 m^3 125 dm^3=..... m^3 74 m^3 38 dm^3=..... m^3

1530 dm^3=..... m^3 6 m^3 9 dm^3 =..... m^3

b.Có đơn vị là đề – xi- mét khối:

1 dm^3 584 cm^3=.....dm^3 12000 cm^3=..... dm^3

12 dm^3 40 cm^3 =..... dm^3 1 cm^3 =..... dm^3

4 dm^3 5 cm^3=.....dm^3 27 cm^3 =..... dm^3

1 566 cm^3 = ... dm^3 504cm^3 =..... dm^3

Bài 7: Viết các số đo sau dưới dạng số đo có đơn vị là:

a.Đề - xi- mét khối:

2,5 m^3 =..... dm^3

3,21 m^3 =..... dm^3

0,36 m^3 =..... dm^3

0,7 m^3 =..... dm^3

0,05 m^3 =..... dm^3

0,345 m^3 =..... dm^3

b. Có đơn vị là mét khối

0,235 dm^3 =.....m^3

0, 18 dm^3 =..... m^3

0,09 dm^3 =..... m^3

0,8 cm^3 =..... m^3

0,235 cm^3 =..... m^3

73,5 cm^3 =..... m^3

Bài 8: Điền dấu (> ; < ; =) thích hợp vào chỗ chấm :

a.$\frac{2}{5}$ m^3 .....0,4 m^3

b. 81 075 cm^3 ..... 810,75 dm^3

.....

c.$\frac{1}{4}$ dm^3..... $\frac{1}{3}$ dm^3

d.$\frac{85}{100}$ m^3.....85 dm^3

.....

LIVEWORKSHEETS